**BẢNG GIẢI SO SÁNH NỘI DUNG DỰ THẢO**

**Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 11/2018/NĐ-CP ngày 16/01/2018 của Chính phủ**

| **Nội dung Nghị định số 11/2018/NĐ-CP** | **Nội dung đề xuất**  **điều chỉnh, bổ sung** | **Giải thích lý do** |
| --- | --- | --- |
| **Điều 1. Giải thích từ ngữ** |  |  |
| 1. Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: |  |  |
| q) “Luật đường sắt” là Luật đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005; | q) “Luật Đường sắt” là Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2017; | Cập nhật văn bản QPPL mới ban hành |
| r) “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014; | r) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; | Cập nhật văn bản QPPL mới ban hành |
| t) “Nghị định số 97/2015/NĐ-CP” là Nghị định về quản lý chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước giữ 100% vốn điều lệ do Chính phủ ban hành ngày 19 tháng 10 năm 2015. | t) “Nghị định số 159/2020/NĐ-CP” là Nghị định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020. | Cập nhật văn bản QPPL mới ban hành |
| **Điều 4. Mục tiêu, chức năng hoạt động và ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam** |  |  |
| 3. Ngành, nghề kinh doanh: | 3. Ngành, nghề kinh doanh: |  |
| a) Ngành, nghề kinh doanh chính: Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt; quản lý bảo trì, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt; cung cấp dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt quốc gia; kinh doanh phương tiện vận tải máy móc, thiết bị thực hiện việc bảo trì, xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt; kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước, liên vận quốc tế và dịch vụ hỗ trợ các phương thức vận tải; | a) Ngành, nghề kinh doanh chính:  Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt;  Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt;  Kinh doanh vận tải đường sắt;  Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;  Cung cấp dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt quốc gia, liên vận quốc tế và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia;  Kinh doanh kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải *(kho bãi và lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải khác)*;  Vận tải đường sắt, đường bộ và vận tải đường ống; vận tải đa phương thức trong nước, liên vận quốc tế;  Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở;  Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển *(cho thuê đầu máy, toa xe, dịch vụ cung cấp sức kéo; máy móc, thiết bị thực hiện việc bảo trì, xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt)*;  Sản xuất động cơ, tuabin (*tư vấn thiết kế, chế tạo, đóng mới, lắp ráp, hoán cải, sửa chữa, khôi phục vật tư phụ tùng, xuất nhập khẩu, mua bán các phương tiện, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên ngành đường sắt phục vụ vận tải đường sắt, bảo trì, xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt và các sản phẩm cơ khí)*;  Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe; tái chế phế liệu;  Dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch; | 1. Đề nghị sửa cụm từ *“quản lý bảo trì, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt”* thành cụm từ *“quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia”* với lý do:  a) Điểm c khoản 2 Điều 21 Luật Đường sắt quy định: *“Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư theo quy định của pháp luật khi được giao, cho thuê hoặc chuyển nhượng”*.  b) Năm 2021, 2022 Tổng công ty ĐSVN là doanh nghiệp kinh doanh KCHTĐS được nhà nước đặt hàng thực hiện quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 636/TTg-CN ngày 19/5/2021 và Thông báo số 04/TB-VPCP ngày 16/01/2022.  c) Theo quy định tại Nghị định 32/2019/NĐ-CP, nhiệm vụ quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng. Khoản 2 Điều 12 Nghị định này quy định nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác phải có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công nhận đặt hàng.  2. Tiếp thu ý kiến của Tổng công ty ĐSVN tại Văn bản số 1901/ĐS-KTKT ngày 30/6/2022, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty ĐSVN cho phù hợp với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ và thực tế tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty ĐSVN, tận dụng nguồn lực hiện có của Tổng công ty ĐSVN. |
| b) Ngành, nghề có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính: Tư vấn, khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng; tư vấn thiết kế, chế tạo, đóng mới, lắp ráp, hoán cải và sửa chữa các phương tiện, thiết bị, sản xuất phụ tùng, vật tư chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí. | b) Ngành, nghề có liên quan phục vụ ngành, nghề kinh doanh chính:  Hoạt động kiến trúc; kiểm tra và phân tích kỹ thuật *(tư vấn đầu tư xây dựng, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng)*;  Hoạt động xây dựng chuyên dụng (lắp đặt, sửa chữa các hệ thống chiếu sáng và hệ thống tín hiệu trên đường sắt); | Tiếp thu ý kiến của Tổng công ty ĐSVN tại Văn bản số 1901/ĐS-KTKT ngày 30/6/2022, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty ĐSVN cho phù hợp với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ và thực tế tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty ĐSVN, tận dụng nguồn lực hiện có của Tổng công ty ĐSVN. |
|  | c) Tùy từng thời điểm và tình hình sản xuất kinh doanh, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có thể bổ sung ngành, nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm sau khi được đại diện chủ sở hữu chấp thuận. | Bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế và sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. |
| **Điều 10. Quyền đối với vốn và tài sản** |  |  |
| 5. Quản lý khai thác, sử dụng tài sản thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được giao theo quy định của Nhà nước để bảo đảm hoạt động giao thông vận tải đường sắt thông suốt, an toàn và hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế, xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường. | 5. Quản lý, bảo trì, khai thác, sử dụng tài sản thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được giao, cho thuê, chuyển nhượng theo quy định của Nhà nước để bảo đảm hoạt động giao thông vận tải đường sắt thông suốt, an toàn và hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế, xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường. | Sửa đổi cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật Đường sắt 2017 |
| **Điều 13. Quyền tham gia hoạt động công ích** | **Điều 13. Quyền tham gia hoạt động công ích** |  |
| 1. Sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trên cơ sở đấu thầu. Đối với hoạt động công ích theo đặt hàng, giao kế hoạch của Nhà nước thì Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có nghĩa vụ tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ công ích đúng đối tượng, theo giá và phí do Nhà nước quy định. | 1. Được tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích phù hợp với yêu cầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của Nhà nước. Có các quyền, nghĩa vụ của nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích khi thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định | Theo quy định của Nghị định số 131/2018/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Chính phủ đã chuyển giao thực hiện một số quyền và trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước về vốn và tài sản của Tổng công ty từ Bộ Giao thông vận tải về Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 11 Luật Đường sắt 2017 thì: “*Bộ Giao thông vận tải thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại diện chủ sở hữu đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia*” và đây là sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công được quy định tại Biểu số 02 Phụ lục I của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP (“Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt”). Do vậy sửa đổi lại Khoản 1 Điều 13 để phù hợp với quy định tại Luật Đường sắt và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, như sau:  *“1. Được tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích phù hợp với yêu cầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của Nhà nước. Có các quyền, nghĩa vụ của nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích khi thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định.”* |
| 2. Đối với nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam được bảo đảm điều kiện vật chất tương ứng.  a) Đối với các sản phẩm, dịch vụ thực hiện theo phương thức đấu thầu thì Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tự bù đắp chi phí theo giá trúng thầu;  b) Đối với các sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng thì Tổng công ty Đường sắt Việt Nam được sử dụng phí hoặc doanh thu từ cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo đặt hàng của Nhà nước để bù đắp chi phí hợp lý phục vụ công ích và bảo đảm lợi ích cho người lao động. Trường hợp không đủ thì được Nhà nước cấp bù phần chênh lệch. |  | Đề nghị bỏ với lý do:  1. Tại các điều 94, 95, 96, 98 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu đã quy định rõ việc thanh toán đối với từng loại hợp đồng khi thực hiện theo phương thức đấu thầu.  Điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định 32/2019/NĐ-CP quy định nghĩa vụ của nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công *“Phải tự bù đắp chi phí theo giá trúng thầu khi tham gia cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo phương thức đấu thầu”*  Vì vậy nội dung quy định tại điểm a khoản này là không cần thiết.  2. Điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định 32/2019/NĐ-CP quy định việc thanh toán kinh phí đặt hàng và các căn cứ làm điều kiện để thanh toán kinh phí đặt hàng.  Khoản 2 Điều 9 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích: *“Được hạch toán và bù đắp chi phí theo giá do pháp luật về đấu thầu quy định hoặc thu phí sử dụng dịch vụ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.*  Vì vậy nội dung quy định tại điểm b khoản này là không cần thiết. |
| 3. Xây dựng, áp dụng các định mức chi phí, đơn giá tiền lương trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích. | 2. Xây dựng, áp dụng các định mức chi phí, đơn giá tiền lương trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công. | Đề nghị sửa cụm từ *“sản phẩm, dịch vụ công ích”* thành cụm từ *“dịch vụ sự nghiệp công”* cho phù hợp, đồng bộ với quy định tại Nghị định 32/2019/NĐ-CP. Lý do được giải thích tại nội dung sửa đổi khoản 1 Điều 13. |
| 4. Thực hiện các quyền được quy định tại Điều 9 Luật doanh nghiệp và quyền khác khi tham gia hoạt động công ích theo quy định của pháp luật. | 3. Thực hiện các quyền được quy định tại Điều 9 Luật doanh nghiệp và quyền khác khi tham gia hoạt động công ích theo quy định của pháp luật. | Sửa thứ tự khoản. |
| **Điều 14. Các quyền khác của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam** |  |  |
| 5. Xây dựng, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khung giá dịch vụ cho thuê sử dụng công trình đường sắt thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không trực tiếp liên quan đến việc chạy tàu; đề xuất, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền để bổ sung, sửa đổi các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về quản lý, khai thác, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật. | 5. Xây dựng, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khung giá dịch vụ cho thuê sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do nhà nước đầu tư; đề xuất, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền để bổ sung, sửa đổi các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về quản lý, khai thác, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật. | Đề nghị sửa đổi để phù hợp với Nghị định số 46/2018/NĐ-CP và tình hình thực tế hoạt động của Tổng công ty |
|  | 12. Việc đấu thầu, thực hiện các công trình, dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan | Việc đưa nội dung này vào sẽ thuận lợi cho Tổng công ty khi tham gia đấu thầu các công trình, dự án của Bộ GTVT hoặc ký hợp đồng đặt hàng bảo trì hàng năm với Bộ GTVT. |
| **Điều 18. Nghĩa vụ khi tham gia hoạt động công ích** |  |  |
| 1. Cung ứng dịch vụ công ích do Nhà nước giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng theo đúng đối tượng, giá và phí mà Nhà nước quy định. | 1. Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công do nhà nước giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng theo đúng đối tượng, giá và phí mà nhà nước quy định. | Đề nghị sửa cụm từ *“dịch vụ công ích”* thành cụm từ *“dịch vụ sự nghiệp công”* cho phù hợp, đồng bộ với quy định tại Nghị định 32/2019/NĐ-CP. Lý do được giải thích tại nội dung sửa đổi khoản 1 Điều 13. |
| 2. Nhận nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao hoặc đặt hàng và giao lại một phần hoặc toàn bộ nhiệm vụ công ích cho công ty con thực hiện theo quy định của Nhà nước. | 2. Nhận dịch vụ sự nghiệp công do nhà nước giao hoặc đặt hàng và giao lại một phần hoặc toàn bộ dịch vụ sự nghiệp công cho công ty con thực hiện theo quy định của nhà nước. | Đề nghị sửa cụm từ *“nhiệm vụ công ích”* thành cụm từ *“dịch vụ sự nghiệp công”* cho phù hợp, đồng bộ với quy định tại Nghị định 32/2019/NĐ-CP. Lý do được giải thích tại nội dung sửa đổi khoản 1 Điều 13. |
| 3. Thực hiện việc ký kết hợp đồng và hạch toán kinh doanh theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Nhà nước về kết quả hoạt động công ích của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về sản phẩm, dịch vụ công ích do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam trực tiếp thực hiện và cung ứng. | 3. Thực hiện việc ký kết hợp đồng và hạch toán kinh doanh theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước nhà nước về kết quả hoạt động công ích của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về dịch vụ sự nghiệp công do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam trực tiếp thực hiện và cung ứng. | Đề nghị sửa cụm từ *“sản phẩm, dịch vụ công ích”* thành cụm từ *“dịch vụ sự nghiệp công”* cho phù hợp, đồng bộ với quy định tại Nghị định 32/2019/NĐ-CP. Lý do được giải thích tại nội dung sửa đổi khoản 1 Điều 13. |
| 4. Cung cấp đủ số lượng sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo đúng chất lượng, đúng đối tượng và đúng thời gian. | 4. Cung cấp đủ số lượng dịch vụ sự nghiệp công, đảm bảo đúng chất lượng, đúng đối tượng và đúng thời gian. | Đề nghị sửa cụm từ *“sản phẩm, dịch vụ công ích”* thành cụm từ *“dịch vụ sự nghiệp công”* cho phù hợp, đồng bộ với quy định tại Nghị định 32/2019/NĐ-CP. Lý do được giải thích tại nội dung sửa đổi khoản 1 Điều 13. |
| 6. Thực hiện các nghĩa vụ công ích khác theo quy định của pháp luật. | 6. Thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật. | Đề nghị sửa đổi để dẫn chiếu khoản 2 Điều 27 Nghị định 32/2019/NĐ-CP quy định trách nhiệm, nghĩa vụ của nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. |
| **Điều 24. Quyền, trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải** | **Điều 24. Quyền, trách nhiệm của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp** | Đề nghị sửa tên điều để phù hợp với Nghị định số 131/2018/NĐ-CP. |
| 1. Trình Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. | 1. Đề xuất Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. | Đề nghị sửa đổi cho phù hợp với Nghị định số 131/2018/NĐ-CP. |
| 4. Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đối với thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và trả lương cho chức danh Kiểm soát viên; cử thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên Tổng công ty ra nước ngoài công tác, học tập, giải quyết việc riêng.  Báo cáo xin ý kiến Ban cán sự Đảng Chính phủ trước khi có văn bản chấp thuận để Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quyết định bổ nhiệm đối với Tổng giám đốc Tổng công ty. Trường hợp đặc biệt, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của tập thể Ban cán sự Đảng Chính phủ.  Có văn bản chấp thuận để Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Tổng giám đốc Tổng công ty. | 4. Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đối với thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và trả lương cho chức danh Kiểm soát viên; cử thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên Tổng công ty ra nước ngoài công tác, học tập, giải quyết việc riêng.  Báo cáo xin ý kiến Ban cán sự Đảng Chính phủ trước khi có văn bản chấp thuận để Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quyết định bổ nhiệm đối với Tổng giám đốc Tổng công ty. Trường hợp đặc biệt, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của tập thể Ban cán sự Đảng Chính phủ.  Có văn bản chấp thuận để Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Tổng giám đốc Tổng công ty. | Đề nghị sửa đổi cho đồng bộ với nội dung các quy định của Luật doanh nghiệp và văn bản pháp luật mới. |
| **Điều 29. Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam** |  |  |
| 1. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành, giám sát của Tổng công ty Đường Sắt Việt Nam gồm có: |  |  |
| đ) Ban Kiểm toán nội bộ, bộ máy giúp việc. | đ) Ban Kiểm tra - Kiểm toán, bộ máy giúp việc | Sửa theo kiến nghị của Tổng công ty ĐSVN cho phù hợp với khoản 1 Điều 12 Quy định 69-QĐ-TW ngày 13/02/2017 của Ban Chấp hành TW Đảng khóa XII. |
| **Điều 30. Cơ cấu, chức năng của Hội đồng thành viên** |  |  |
| 3. Số lượng thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam không quá 07 người. Trường hợp Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam chưa đủ số lượng thành viên, trong thời gian 90 ngày, Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, bổ sung số lượng thành viên theo quy định. | 3. Số lượng thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam không quá 07 người. Trường hợp Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam chưa đủ số lượng thành viên, trong thời gian 90 ngày, Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam trình Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp xem xét, bổ sung số lượng thành viên theo quy định. | Sửa đổi để phù hợp với Nghị định số 131/2018/NĐ-CP |
| **Điều 31. Quyền, trách nhiệm của Hội đồng thành viên** |  |  |
| 3. Xây dựng dự thảo, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải trình Chính phủ ban hành. | 3. Xây dựng dự thảo, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam báo cáo cấp có thẩm quyền trình Chính phủ ban hành. | Sửa đổi để phù hợp với Nghị định số 131/2018/NĐ-CP |
| **Điều 32. Tiêu chuẩn, điều kiện, thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng thành viên** |  |  |
| 1. Thành viên Hội đồng thành viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn cơ bản sau đây:  a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;  b) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;  c) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;  d) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;  đ) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Bộ Giao thông vận tải; thành viên Hội đồng thành viên; Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Kiểm soát viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;  e) Không phải là cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc không phải là người quản lý, điều hành tại doanh nghiệp thành viên;  g) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của doanh nghiệp nhà nước;  h) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật. | 1. Thành viên Hội đồng thành viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn cơ bản sau đây:  a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.  b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Tổng công ty.  c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; thành viên Hội đồng thành viên; Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Tổng công ty; Kiểm soát viên Tổng công ty.  d) Không phải là người quản lý doanh nghiệp thành viên.  đ) Trừ Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên khác của Hội đồng thành viên có thể kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty hoặc công ty khác không phải là doanh nghiệp thành viên theo quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.  e) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của doanh nghiệp nhà nước.  g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty | Đề nghị sửa đổi nội dung cho phù hợp với quy định tại Điều 93 Luật Doanh nghiệp năm 2020 |
| **Điều 33. Chủ tịch Hội đồng thành viên** |  |  |
| 2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền và nghĩa vụ sau đây:  d) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Bộ Giao thông vận tải và nghị quyết Hội đồng thành viên; | d) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và nghị quyết Hội đồng thành viên; | Sửa đổi để phù hợp với Nghị định số 131/2018/NĐ-CP |
| **Điều 34. Chế độ làm việc, điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên** |  |  |
| 1. Hội đồng thành viên làm việc theo chế độ tập thể; họp ít nhất một lần trong một quý để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc quyền, nghĩa vụ của mình. Đối với những vấn đề không yêu cầu thảo luận thì Hội đồng thành viên có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ này.  Hội đồng thành viên có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải hoặc theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc. | 1. Hội đồng thành viên làm việc theo chế độ tập thể; họp ít nhất một lần trong một quý để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc quyền, nghĩa vụ của mình. Đối với những vấn đề không yêu cầu thảo luận thì Hội đồng thành viên có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ này.  Hội đồng thành viên có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc. | Đề nghị sửa đổi để phù hợp với Nghị định số 131/2018/NĐ-CP |
| **Điều 36. Bổ nhiệm Tổng giám đốc** |  |  |
| 3. Tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng giám đốc:  a) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty;  b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Bộ Giao thông vận tải;  c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng thành viên;  d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Tổng công ty;  đ) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Kiểm soát viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;  e) Không đồng thời là cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;  g) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác;  h) Không được kiêm Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp khác;  i) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật. | 3. Tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng giám đốc  a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.  b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty.  c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty; Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; Kiểm soát viên công ty.  d) Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc tại công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác.  đ) Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.  e) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật. | Đề nghị sửa cho phù hợp quy định tại Điều 101 Luật Doanh nghiệp năm 2020 |
| **Điều 41. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng** |  |  |
| 1. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có số lượng Phó Tổng giám đốc không quá 05 người và 01 Kế toán trưởng do Hội đồng thành viên bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, điều động, luân chuyển, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và các lợi ích khác. Trường hợp cần bổ sung Phó Tổng giám đốc, Bộ Giao thông vận tải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo đề nghị của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. | 1. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có số lượng Phó Tổng giám đốc không quá 05 người và 01 Kế toán trưởng do Hội đồng thành viên bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, điều động, luân chuyển, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và các lợi ích khác theo đề nghị của Tổng giám đốc. Trường hợp cần bổ sung Phó Tổng giám đốc vượt quá quy định, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo đề nghị của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. | Sửa đổi để phù hợp với Nghị định số 131/2018/NĐ-CP. |
| **Điều 42. Kiểm soát viên** |  |  |
| 1. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có từ 01 đến 05 Kiểm soát viên do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu.  Trường hợp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có hơn 01 Kiểm soát viên thì Bộ Giao thông vận tải phải thành lập Ban Kiểm soát.  Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 03 năm và được bổ nhiệm lại nhưng mỗi cá nhân chỉ được bổ nhiệm làm Kiểm soát viên tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam không quá 02 nhiệm kỳ. | 1. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có 03 Kiểm soát viên do Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu.  Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn tại doanh nghiệp quyết định thành lập Ban Kiểm soát tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.  Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và được bổ nhiệm lại nhưng mỗi cá nhân chỉ được bổ nhiệm làm Kiểm soát viên tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. | Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Luật doanh nghiệp 2020, Nghị định số 10/2019/NĐ-CP. |
| **Điều 44. Đánh giá người quản lý doanh nghiệp** |  |  |
| 1. Tiêu chí đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ:  Người quản lý doanh nghiệp tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khi đạt được tất cả các tiêu chí sau:  a) Tổng công ty Đường sắt Việt Nam hoàn thành trên 90% nhiệm vụ được giao theo chương trình, kế hoạch công tác năm, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc do nguyên nhân khách quan;  b) Luôn gương mẫu, chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; điều lệ, nội quy, quy chế của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;  c) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có lối sống lành mạnh; lề lối làm việc chuẩn mực;  d) Lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo, điều hành các đơn vị thành viên hoặc lĩnh vực được giao phụ trách hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao;  đ) Tham gia ít nhất 01 hoạt động xã hội do chủ sở hữu hoặc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tổ chức. | “1. Người quản lý Tổng công ty được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khi đạt các tiêu chí sau:  a) Kết quả hoạt động của Tổng công ty được xếp loại A theo quy định;  b) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có lối sống lành mạnh; lề lối làm việc chuẩn mực;  c) Luôn gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; điều lệ, nội quy, quy chế của Tổng công ty;  d) Hoàn thành từ 100% trở lên các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao trong năm, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc do nguyên nhân khách quan được cấp có thẩm quyền chấp thuận;  đ) Hoàn thành tốt việc khắc phục các hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra (nếu có);  e) Việc chấp hành, tuân thủ chỉ đạo của cơ quan đại diện chủ sở hữu.” | Đề nghị sửa cho phù hợp với quy định tại Điều 14 Nghị định số 159/2020/NĐ-CP |
|  | 2. Người quản lý Tổng công ty được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ khi đạt các tiêu chí sau:  a) Kết quả hoạt động của Tổng công ty được xếp loại A theo quy định;  b) Đạt các tiêu chí quy định tại điểm b, điểm c, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này;  c) Hoàn thành từ 90% trở lên các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao trong năm, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc do nguyên nhân khách quan được cấp có thẩm quyền chấp thuận | Đề nghị bổ sung khoản này cho phù hợp với quy định tại Điều 15 NĐ 159/2020/NĐ-CP |
| 2. Tiêu chí đánh giá hoàn thành nhiệm vụ:  Người quản lý doanh nghiệp tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ khi đạt được tất cả các tiêu chí sau:  a) Các tiêu chí được quy định tại điểm b, c, e khoản 1 Điều này;  b) Tổng công ty Đường sắt Việt Nam hoàn thành từ 70% đến 90% nhiệm vụ được giao theo chương trình, kế hoạch công tác năm, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc do nguyên nhân khách quan;  c) Lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo, điều hành các đơn vị thành viên hoặc lĩnh vực được giao phụ trách hoàn thành các nhiệm vụ được giao. | 3. Người quản lý Tổng công ty được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ khi đạt các tiêu chí sau:  a) Kết quả hoạt động của Tổng công ty được xếp loại B theo quy định;  b) Đạt các tiêu chí quy định tại điểm b, điểm c, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này này;  c) Hoàn thành từ 70% đến dưới 90% các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao trong năm, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc do nguyên nhân khách quan được cấp có thẩm quyền chấp thuận | Đề nghị sửa đổi khoản này cho phù hợp quy định tại Điều 16 NĐ 159/2020/NĐ-CP. |
| 3. Tiêu chí đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ  Người quản lý doanh nghiệp tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ khi vi phạm một trong các tiêu chí sau:  a) Tổng công ty Đường sắt Việt Nam hoàn thành dưới 70% nhiệm vụ được giao theo chương trình, kế hoạch công tác năm;  b) Lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo, điều hành một trong các đơn vị thành viên hoặc lĩnh vực được giao phụ trách không hoàn thành các nhiệm vụ được giao;  c) Không thực hiện hoặc vi phạm đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, bị cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật theo quy định;  d) Vi phạm điều lệ, nội quy, quy chế Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;  đ) Để xảy ra mất đoàn kết trong Tổng công ty Đường sắt Việt Nam hoặc các đơn vị thành viên được giao phụ trách. | 4. Người quản lý Tổng công ty được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ khi có một trong các tiêu chí sau:  a) Kết quả hoạt động của Tổng công ty được xếp loại C theo quy định;  b) Có biểu hiện suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức; có lối sống không lành mạnh; vi phạm các quy định về ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong, lề lối làm việc đã được cấp có thẩm quyền kết luận;  c) Không thực hiện hoặc vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; điều lệ, nội quy, quy chế của Tổng công ty;  d) Hoàn thành dưới 70% các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao trong năm, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc do nguyên nhân khách quan được cấp có thẩm quyền chấp thuận;  đ) Không thực hiện hoặc tuân thủ không đúng ý kiến chỉ đạo của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cấp có thẩm quyền;  e) Không khắc phục được các hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra (nếu có) | Đề nghị sửa đổi khoản này cho phù hợp với quy định tại Điều 17 NĐ 159/2020/NĐ-CP |
| **Điều 46. Từ chức** |  |  |
| 1. Người quản lý doanh nghiệp trong Tổng công ty Đường sắt Việt Nam được từ chức theo một trong các trường hợp sau đây:  a) Không còn đủ uy tín để thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao;  b) Do nhận thấy vi phạm khuyết điểm của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam hoặc của cấp dưới có liên quan đến trách nhiệm của mình;  c) Có nguyện vọng xin từ chức vì lý do cá nhân khác.  2. Người quản lý Tổng công ty Đường sắt Việt Nam không được từ chức một trong các trường hợp sau:  a) Đang đảm nhận nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; nhiệm vụ trọng yếu, cơ mật mà chưa hoàn thành nhiệm vụ, cần tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ, nếu từ chức sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiệm vụ được giao;  b) Đang trong quá trình bị thanh tra, kiểm tra, điều tra của cơ quan thanh tra, kiểm tra, bảo vệ pháp luật hoặc bị xem xét kỷ luật về đảng, chính quyền. | 1. Người quản lý doanh nghiệp trong Tổng công ty Đường sắt Việt Nam được từ chức theo một trong các trường hợp sau đây:  a) Tự nguyện xin thôi giữ chức vụ để chuyển giao vị trí lãnh đạo;  b) Do tự nhận thấy không đủ tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc vị trí công tác không phù hợp;  c) Vì lý do cá nhân khác.  2. Người quản lý Tổng công ty Đường sắt Việt Nam không được từ chức một trong các trường hợp sau:  a) Đang đảm nhận nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; nhiệm vụ trọng yếu, cơ mật; nhiệm vụ phòng chống thiên tai, dịch bệnh mà việc từ chức; nếu từ chức ngay sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích chung của Đảng và nhà nước;  b) Đang trong thời gian chịu sự thanh tra, kiểm tra, điều tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của Đảng và pháp luật.  3. Việc từ chức đối với người quản lý Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thực hiện theo quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan. | Đề nghị sửa cho phù hợp với quy định tại Điều 52 NĐ 159/2020/NĐ-CP, Bổ sung khoản 3 để cập nhật với quy định pháp luật mới. |
| **Điều 47. Miễn nhiệm** |  |  |
| 1. Việc miễn nhiệm đối với người quản lý Tổng công ty Đường sắt Việt Nam được thực hiện theo quy định tại một trong các trường hợp sau đây:  a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;  b) Có hành vi vi phạm pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau:  - Vi phạm kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo mà yêu cầu nhiệm vụ công tác cần phải thay thế;  - Bị cấp có thẩm quyền kết luận bằng văn bản về hành vi vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức kỷ luật cách chức.  c) Không đủ năng lực, trình độ, uy tín để thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao thuộc một trong các trường hợp sau đây:  - Trong 02 năm liên tiếp của nhiệm kỳ giữ chức vụ bị đánh giá, phân loại ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;  - Trong 01 nhiệm kỳ hoặc trong 02 năm liên tiếp bị 02 lần xử lý kỷ luật liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao;  - Để Tổng công ty Đường sắt Việt Nam hoặc tổ chức, đơn vị được giao phụ trách mất đoàn kết hoặc làm Tổng công ty Đường sắt Việt Nam hoặc tổ chức, đơn vị được giao phụ trách mất đoàn kết theo kết luận của cấp có thẩm quyền;  - Bị cơ quan kiểm tra, thanh tra có thẩm quyền kết luận bằng văn bản về vi phạm tư cách đạo đức hoặc vi phạm quy định về những việc đảng viên không được làm đối với người quản lý là đảng viên.  d) Có đơn xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản. | 1. Việc miễn nhiệm đối với người quản lý Tổng công ty Đường sắt Việt Nam được thực hiện theo quy định tại một trong các trường hợp sau đây:  a) Không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện của người quản lý doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật;  b) Có hai năm liên tiếp xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;  c) Bị xử lý kỷ luật chưa đến mức cách chức nhưng do yêu cầu nhiệm vụ công tác cần phải thay thế;  d) Bị xử lý kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo hai lần trong cùng một nhiệm kỳ bổ nhiệm;  đ) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm quy định của Đảng về bảo vệ chính trị nội bộ;  e) Các lý do miễn nhiệm khác theo quy định của Đảng và pháp luật. | Đề nghị sửa khoản này cho phù hợp với quy định tại Điều 53 NĐ 159/2020/NĐ-CP |
|  | 3. Việc miễn nhiệm đối với người quản lý Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thực hiện theo quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan. | Bổ sung để cập nhật với quy định pháp luật mới. |
| **Điều 48. Khen thưởng, kỷ luật** |  |  |
| 1. Khen thưởng:  a) Người quản lý doanh nghiệp trong Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có thành tích hoặc quá trình cống hiến thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng;  b) Người quản lý doanh nghiệp quy định tại điểm n khoản 1 Điều 1 Điều lệ này, nếu được đề nghị tặng Huân chương, danh hiệu Anh hùng thì Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ. | Người quản lý Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có thành tích hoặc quá trình cống hiến thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng. | Đề nghị sửa khoản này cho phù hợp với quy định tại Điều 53 NĐ 159/2020/NĐ-CP |
| 2. Nguyên tắc xử lý kỷ luật:  a) Khách quan, công bằng, nghiêm minh, đúng pháp luật;  b) Mỗi hành vi vi phạm pháp luật chỉ áp dụng 01 hình thức kỷ luật. Nếu người quản lý doanh nghiệp có nhiều hành vi vi phạm pháp luật thì bị xem xét xử lý kỷ luật về từng hành vi vi phạm pháp luật và áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm nặng nhất, trừ trường hợp có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc;  c) Trường hợp người quản lý doanh nghiệp tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian đang thi hành quyết định kỷ luật thì bị áp dụng hình thức kỷ luật như sau: Nếu có hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật ở hình thức nhẹ hơn hoặc bằng so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật đang thi hành; Nếu có hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật ở mức nặng hơn so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm pháp luật mới.  Quyết định kỷ luật đang thi hành chấm dứt hiệu lực thi hành kể từ thời điểm quyết định kỷ luật đối với hành vi vi phạm pháp luật mới có hiệu lực thi hành;  d) Thái độ tiếp thu, sửa chữa và sự chủ động khắc phục hậu quả của người quản lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật là yếu tố xem xét tăng nặng hoặc giảm nhẹ khi áp dụng hình thức kỷ luật;  đ) Thời gian chưa xem xét xử lý kỷ luật đối với người quản lý doanh nghiệp đang trong thời gian nghỉ hàng năm, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng theo quy định của pháp luật được cấp có thẩm quyền cho phép, đang trong thời gian điều trị bệnh tật có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền, đang mang thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi, đang bị tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật thì không tính vào thời hạn xử lý kỷ luật;  e) Không áp dụng hình thức xử phạt hành chính thay cho hình thức kỷ luật;  g) Cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm của người quản lý doanh nghiệp trong quá trình xử lý kỷ luật. | 2. Nguyên tắc xử lý kỷ luật:  a) Khách quan, công bằng; công khai, minh bạch; nghiêm minh, đúng pháp luật;  b) Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần bằng một hình thức kỷ luật. Trong cùng một thời điểm xem xét xử lý kỷ luật, nếu có từ 02 hành vi vi phạm trở lên thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi vi phạm và áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm nặng nhất, trừ trường hợp bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc; không tách riêng từng nội dung vi phạm để xử lý kỷ luật nhiều lần với các hình thức kỷ luật khác nhau;  c) Trường hợp người quản lý Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật tiếp tục có hành vi vi phạm thì bị áp dụng hình thức kỷ luật như sau:  - Nếu có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật ở hình thức nhẹ hơn hoặc bằng so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật đang thi hành;  - Nếu có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật ở hình thức nặng hơn so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm mới.  d) Khi xem xét xử lý kỷ luật phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm, các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ, thái độ tiếp thu và sửa chữa, việc khắc phục khuyết điểm, vi phạm, hậu quả đã gây ra;  đ) Không áp dụng hình thức xử phạt hành chính hoặc hình thức kỷ luật đảng thay cho hình thức kỷ luật theo quy định tại Nghị định này; việc xử lý kỷ luật không thay cho truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu hành vi vi phạm đến mức bị xử lý hình sự;  e) Trường hợp người quản lý Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đã bị xử lý kỷ luật đảng thì hình thức kỷ luật phải bảo đảm ở mức độ tương xứng với kỷ luật đảng.  Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật đảng, cấp có thẩm quyền phải xem xét, quyết định việc xử lý kỷ luật;  g) Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, tinh thần, danh dự, nhân phẩm trong quá trình xử lý kỷ luật. | Đề nghị sửa khoản này cho phù hợp với quy định tại Điều 56 NĐ 159/2020/NĐ-CP |
|  | “3. Việc khen thưởng, xử lý kỷ luật thực hiện theo Điều lệ này và các quy định pháp luật liên quan” | Bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật. |
| **Mục 6. BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ** | **Mục 6. BAN KIỂM TRA – KIỂM TOÁN** | Đề nghị sửa tên mục cho đồng bộ với nội dung của Nghị định |
| **Điều 50. Ban Kiểm toán nội bộ** | **Điều 50. Ban Kiểm tra – Kiểm toán** |  |
| 1. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có Ban Kiểm toán nội bộ do Hội đồng thành viên quyết định thành lập, trực thuộc Hội đồng thành viên.  2. Ban Kiểm toán nội bộ có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc Hội đồng thành viên trong việc: Kiểm tra, kiểm toán nội bộ, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý điều hành; kiểm tra, giám sát, tổng hợp đánh giá Người đại diện; phát hiện, xác minh, ngăn ngừa và hạn chế, khắc phục sai sót, rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư.  3. Hội đồng thành viên quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện, tiền lương, tiền thưởng, các vấn đề khác có liên quan và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ. | 1. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có Ban Kiểm tra - Kiểm toán do Hội đồng thành viên quyết định thành lập, trực thuộc Hội đồng thành viên.  2. Ban Kiểm tra - Kiểm toán có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Hội đồng thành viên trong việc: Kiểm tra, kiểm toán nội bộ, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý điều hành; Kiểm tra, giám sát, tổng hợp đánh giá Người đại diện; phát hiện, xác minh, ngăn ngừa và hạn chế, khắc phục sai sót, rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư; Kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và thi hành kỷ luật trong Đảng bộ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.  3. Hội đồng thành viên quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện, tiền lương, tiền thưởng, các vấn đề khác có liên quan và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm tra - Kiểm toán. | Đề nghị sửa Điều này cho phù hợp với nội dung quy định tại khoản 1 Điều 12 Quy định 69-QĐ-TW ngày 13/02/2017 của Ban Chấp hành TW Đảng khóa XII |
| **Điều 56. Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại doanh nghiệp khác** |  |  |
| 1. Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại doanh nghiệp khác do Hội đồng thành viên cử, cử lại, miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của người đại diện không quá 05 năm và phù hợp với nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị của doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Trường hợp cử nhiều người đại diện phần vốn góp tại một doanh nghiệp thì Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phải quy định cụ thể tỷ lệ đại diện cho từng người đại diện và phân công người đại diện phụ trách chung trong nhóm người đại diện. Người đại diện có thể được bổ nhiệm lại.  Trường hợp không cử người đại diện thì Hội đồng thành viên là người trực tiếp thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. | 1. Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại doanh nghiệp khác do Hội đồng thành viên cử, cử lại, miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của người đại diện không quá 05 năm và phù hợp với nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị của doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Trường hợp cử nhiều người đại diện phần vốn góp tại một doanh nghiệp thì Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phải quy định cụ thể tỷ lệ đại diện cho từng người đại diện và phân công người đại diện phụ trách chung trong nhóm người đại diện. Người đại diện có thể được cử lại.  Trường hợp không cử người đại diện thì Hội đồng thành viên là người trực tiếp thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam | Đề nghị sửa khoản này, thay thế cụm từ “Người đại diện có thể được bổ nhiệm lại” bằng cụm từ “Người đại diện có thể được cử lại” cho phù hợp với nội dung quy định |
| **Điều 58. Các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam** | **Điều 58. Các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam** |  |
| Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có các đơn vị trực thuộc, các công ty con, công ty liên kết. Danh sách các đơn vị phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp, công ty con, công ty liên kết do Bộ Giao thông vận tải ban hành. | Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có các đơn vị trực thuộc, các công ty con, công ty liên kết. Danh sách các đơn vị phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp, công ty con, công ty liên kết kèm theo Nghị định này | Đề nghị sửa lại nội dung cho phù hợp với Nghị định 131/2018/NĐ-CP. |
| **Điều 75.** **Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam** | **Điều 75. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam** |  |
| Điều lệ của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam được sửa đổi, bổ sung khi các luật liên quan có quy định khác với quy định trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp Hội đồng thành viên thấy cần phải bổ sung, sửa đổi hoặc do chủ sở hữu yêu cầu. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam do Bộ Giao thông vận tải trình Chính phủ ban hành. | Điều lệ của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam được sửa đổi, bổ sung khi các luật liên quan có quy định khác với quy định trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp Hội đồng thành viên thấy cần phải bổ sung, sửa đổi hoặc do chủ sở hữu yêu cầu. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền trình Chính phủ ban hành. | Sửa lại cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP. |
| **Điều 76. Phạm vi thi hành** | **Điều 76. Phạm vi thi hành** |  |
| 1. Các bộ, ngành và các đơn vị, cá nhân có liên quan thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này. | 1. Các bộ, ngành, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các đơn vị, cá nhân có liên quan thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này. | Sửa lại theo kiến nghị của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. |
| **Cụm từ “hoạt động công ích”:**  Khoản 2 Điều 10  Khoản 5 Điều 12 | Thay đổi cụm từ *“hoạt động công ích”* thành cụm từ *“dịch vụ sự nghiệp công”* tại khoản 2 Điều 10, khoản 5 Điều 12 Nghị định số 11/2018/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2018. | Đề nghị thay đổi cụm từ *“hoạt động công ích”* thành cụm từ *“dịch vụ sự nghiệp công”* tại khoản 2 Điều 10, khoản 5 Điều 12 cho phù hợp với quy định tại Nghị định 32/2019/NĐ-CP.  Lý do được giải thích theo nội dung sửa đổi khoản 1 Điều 13 |
| **Cụm từ “sản phẩm, dịch vụ công ích”**  Khoản 4 Điều 10  Khoản 4 Điều 11  Khoản 1, 2, 3 Điều 13  Khoản 6 Điều 14  Khoản 3,4 Điều 18  Khoản 4 Điều 19  Khoản 5 Điều 20  Khoản 2 Điều 55 | Thay đổi cụm từ *“sản phẩm, dịch vụ công ích”* thành cụm từ *“dịch vụ sự nghiệp công”* tại khoản 4 Điều 10, khoản 4 Điều 11, khoản 6 Điều 14, khoản 3,4 Điều 18, khoản 4 Điều 19, khoản 5 Điều 20, khoản 2 Điều 55 Nghị định số 11/2018/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2018. | Lý do được giải thích theo nội dung sửa đổi khoản 1 Điều 13. |
| **Cụm từ “Bộ Giao thông vận tải”**  Điều 6  khoản 8 Điều 11  khoản 2 Điều 12  khoản 7 Điều 16  khoản 5, 6 Điều 23  khoản 8 Điều 24  khoản 2, 4 Điều 25  khoản 1, 2 Điều 26  khoản 1 Điều 27  khoản 1 Điều 28  khoản 3 Điều 30  khoản 2, 3, 6, 7, 21, 22 Điều 31  Điểm d khoản 2 Điều 33  Khoản 1, 2, 12 Điều 34  khoản 2 Điều 36  khoản 1 Điều 39  khoản 1 Điều 41  khoản 1, 3 Điều 42  điểm d khoản 2; điểm b, c khoản 3; điểm c khoản 4 Điều 55  khoản 3 Điều 65  khoản 4 Điều 67 | Thay đổi cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” thành cụm từ “Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp” tại Điều 6, khoản 8 Điều 11, khoản 2 Điều 12, khoản 7 Điều 16, khoản 5, 6 Điều 23, khoản 8 Điều 24, khoản 2, 4 Điều 25, khoản 1, 2 Điều 26, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 30, khoản 2, 6, 7, 21, 22 Điều 31, điểm d khoản 2 Điều 33, khoản 1, 2, 12 Điều 34, khoản 2 Điều 36, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 41, khoản 3 Điều 42, điểm d khoản 2 và điểm b, c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều 55, khoản 3 Điều 65, khoản 4 Điều 67. | Thay đổi cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” thành cụm từ “Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp” tại Điều 6, khoản 8 Điều 11, khoản 2 Điều 12, khoản 7 Điều 16, khoản 5, 6 Điều 23, khoản 8 Điều 24, khoản 2, 4 Điều 25, khoản 1, 2 Điều 26, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 30, khoản 2, 6, 7, 21, 22 Điều 31, điểm d khoản 2 Điều 33, khoản 1, 2, 12 Điều 34, khoản 2 Điều 36, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 41, khoản 3 Điều 42, điểm d khoản 2 và điểm b, c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều 55, khoản 3 Điều 65, khoản 4 Điều 67 cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đối với Tổng công ty ĐSVN theo quy định tại Nghị định 131/2018/NĐ-CP. |